

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**



**BẢN MÔ TẢ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ - HÌNH THỨC CHÍNH QUY  
CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**

**Hà Nội, năm 2022**

## MỤC LỤC

<b>PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH .....</b>	<b>1</b>
1.1. Giới thiệu chương trình.....	1
1.2. Thông tin chung về chương trình .....	1
1.3. Triết lý đào tạo.....	2
1.4. Mục tiêu đào tạo .....	2
1.4.1. Mục tiêu chung .....	2
1.4.2. Mục tiêu cụ thể .....	3
1.5. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh .....	3
1.7. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá.....	4
1.8. Điều kiện tốt nghiệp.....	4
1.9. Cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp .....	4
<b>PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH.....</b>	<b>5</b>
2.1. Kiến thức .....	5
2.2. Kỹ năng .....	5
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm.....	6
2.4. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo của chuẩn đầu ra .....	7
<b>PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....</b>	<b>8</b>
3.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình.....	8
3.2. Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra của các khối kiến thức .....	8
3.3. Khung chương trình.....	8
3.4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được Chuẩn đầu ra.....	25
3.5. Kế hoạch học tập dự kiến phân bố theo học kỳ.....	28
3.6. Mô tả nội dung và khối lượng các học phần .....	29
3.7. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình.....	36
3.7.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu.....	36
3.7.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình .....	42
3.8. Hướng dẫn thực hiện chương trình:.....	43
3.9. Chương trình trong và ngoài nước đã tham khảo để xây dựng chương trình.....	43

## PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

### 1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai hệ chính quy nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực công tác, có kiến thức chuyên sâu đảm nhiệm nhiệm vụ quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và ứng dụng thực tế trong quản lý đất đai một cách có hiệu quả. Hiểu rõ kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật và có khả năng vận dụng thành thạo các chính sách, tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ trong công tác quản lý đất đai.

Có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, khoa học kỹ thuật của đất nước; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

### 1.2. Thông tin chung về chương trình

- Tên chương trình:
  - Tiếng Việt: **Quản lý đất đai**
  - Tiếng Anh: **Land Administration**
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Chuyên ngành đào tạo: Quản lý đất đai
- Mã số: 8850103
- Thời gian đào tạo: 1,5 - 2 năm
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
  - Thạc sĩ Quản lý đất đai
  - **Master of land Administration**
- Thời gian ban hành chương trình: 2016
- Thời gian rà soát, sửa đổi chương trình gần nhất: 2021
- Kiểm định chương trình:

### **1.3. Triết lý đào tạo**

*“Quản lý đất đai hiện đại: Tương lai của Bạn - Sự mạng của chúng tôi!”*

Phát triển Khoa Quản lý đất đai là khoa đầu ngành trong đào tạo và nghiên cứu khoa học về lĩnh vực quản lý đất đai trong cả nước, phần đầu là khoa trọng điểm trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về quản lý đất đai theo định hướng ứng dụng, đào tạo theo hướng chuẩn quốc tế.

- Phát triển chương trình đào tạo các ngành theo định hướng ứng dụng, trang bị kiến thức nền tảng vững chắc, đồng thời chú trọng phát triển năng lực thực hành nghề nghiệp và khả năng thích ứng với môi trường làm việc hiện đại. Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức đào tạo, ứng dụng những công nghệ giáo dục mới, thúc đẩy quá trình tự học qua nghiên cứu, sáng tạo và trải nghiệm.

- Phát triển hài hòa và gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu ứng dụng và triển khai; gắn kết nghiên cứu với đào tạo, thúc đẩy chuyển giao tri thức và thương mại hóa sản phẩm; chú trọng đồng thời nâng cao thành tích và phát triển tiềm lực nghiên cứu.

- Phát triển theo định hướng hội nhập với khu vực và quốc tế, tiếp thu chọn lọc những mô hình và kinh nghiệm thành công của các trường đại học đầu ngành trong và ngoài nước về quản lý đất đai, quản lý và kinh doanh bất động sản. Đào tạo ra sản phẩm có khả năng cạnh tranh, nâng cao trách nhiệm xã hội, coi người học là chủ thể, trung tâm của mọi hoạt động đào tạo.

- Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo về quản lý đất đai, quản lý và kinh doanh bất động sản tại Việt Nam và trên thế giới;

- Thực hiện tốt các trách nhiệm xã hội và phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực đất đai, quản lý và kinh doanh bất động sản và ngành tài nguyên và môi trường.

### **1.4. Mục tiêu đào tạo**

#### ***1.4.1. Mục tiêu chung***

Đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai hình thức chính quy theo định hướng ứng dụng nhằm giúp học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác, có kiến thức chuyên sâu đảm nhiệm nhiệm vụ quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và ứng dụng thực tế trong quản lý đất đai một cách có hiệu quả. Hiểu rõ kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật và có khả năng vận dụng các chính sách, tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ để ứng dụng trong công tác Quản lý và sử dụng đất đai đáp ứng tình hình mới, hội nhập kinh tế quốc tế, ứng phó với biến

đổi khí hậu.

Có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, khoa học kỹ thuật của đất nước; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

#### **1.4.2. Mục tiêu cụ thể**

a) Rèn luyện thế giới quan, phương pháp luận triết học, củng cố nhận thức về cơ sở lý luận trong đường lối của Đảng và chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam

b) Có kiến thức tổng hợp khoa học Quản lý đất đai như các công cụ về chính sách - pháp luật đất đai, quy hoạch đất đai, kinh tế đất, hệ thống thông tin đất đai. ..

c) Phát triển và nâng cao các kỹ năng, sử dụng thành thạo và linh hoạt những công cụ quản lý đất đai vào thực tiễn xử lý các vấn đề, nhiệm vụ mà ngành quản lý đất đai đặt ra.

d) Nâng cao kỹ năng sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh trong nghiệp vụ chuyên môn, giảng dạy, nghiên cứu về lĩnh vực quản lý đất đai trong và ngoài nước.

e) Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp.

- Cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương có liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai và các ngành gần.

- Các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ, các đơn vị sự nghiệp hoạt động về lĩnh vực quản lý và sử dụng đất đai, tài nguyên và môi trường, khoa học đất...

- Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu về quản lý và sử dụng đất đai, tài nguyên và môi trường, khoa học đất.

- Tự thành lập và tổ chức các hoạt động dịch vụ nghiên cứu, sản xuất và tư vấn liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai.

#### **1.5. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh**

- Đối tượng tuyển sinh: Thực hiện theo Thông tư số 23/2021/TT - BGDĐT ngày 30 tháng 08 năm 2021 về việc Ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ và Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Nghị quyết số 46 /NQ - HĐTĐHHN ngày 21 tháng 3 năm 2022 của chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

- Tiêu chí tuyển sinh: Theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội theo từng năm.

**1.6. Hình thức đào tạo:** Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

### **1.7. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá**

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

### **1.8. Điều kiện tốt nghiệp**

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

### **1.9. Cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp**

- Cán bộ làm công tác quản lý Nhà nước về quản lý đất đai tại các cơ quan Trung ương (Cục, Vụ, Thanh tra, văn phòng . v.v).

- Chuyên viên làm việc tại các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp về đất đai (Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Văn phòng đăng ký đất đai cấp tỉnh; Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện; cán bộ tài nguyên môi trường cấp xã. Các đơn vị sự nghiệp thuộc các cơ quan Nhà nước về lĩnh vực đất đai;

- Nghiên cứu viên tại các Viện nghiên cứu về lĩnh vực đất đai;

- Giảng viên trong các Học viện, trường Đại học, Cao đẳng có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực ngành Quản lý đất đai.

- Cán bộ bộ phận hành chính 1 cửa xử lý hồ sơ lĩnh vực quản lý đất đai (cấp tỉnh, huyện, xã);

- Kỹ thuật viên làm việc tại các công ty, các tổ chức tư vấn hoạt động trong các lĩnh vực Quản lý đất đai gồm: xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai; đánh giá đất; định giá đất; phân tích và kiểm soát số lượng và chất lượng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường; đo đạc lập bản đồ các loại; các công ty môi giới kinh doanh bất động sản; các công ty xây dựng, giao thông, thủy lợi; các tổ chức tài chính tín dụng...

## PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

### 2.1. Kiến thức

Sau khi tốt nghiệp ra trường, người học có khả năng:

*\* Kiến thức chung:*

(2.1.1) Hiểu được cơ sở lý luận triết học trong nhận thức và vận dụng vào lĩnh vực chuyên ngành

*\* Kiến thức chuyên môn:*

(2.1.2) Áp dụng các kiến thức cơ sở chuyên ngành và ngoại ngữ để tư duy, phân tích, đánh giá nhu cầu xã hội cùng góp phần với các cơ quan quản lý nhà nước trong xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật đất đai, xây dựng chiến lược phát triển quản lý và sử dụng đất, đề xuất các chương trình, dự án cho các nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý đất đai. Phân biệt, giải thích và áp dụng được những quy định của chính sách pháp luật đất đai vào giải quyết và đề xuất các nhiệm vụ chuyên môn trong ngành quản lý đất đai.

(2.1.3) Phân tích kiến thức chuyên sâu về điều tra đánh giá tài nguyên đất đai từ đó đề xuất định hướng quản lý, sử dụng đất hợp lý, hiệu quả và bảo vệ môi trường.

(2.1.4) Phân tích và đánh giá được những vấn đề liên quan và các vấn đề phát sinh đến kinh tế đất, tài chính đất đai, định giá đất và thị trường bất động sản.

(2.1.5) Đánh giá, khai thác công nghệ hiện đại trong quản lý đất đai phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, xây dựng bản đồ chuyên đề các loại về quản lý đất đai; theo dõi, giám sát quản lý sử dụng đất; lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai.

### 2.2. Kỹ năng

*\* Kỹ năng chung*

(2.2.1) Cải thiện kỹ năng tư duy logic, kỹ năng thuyết trình, phản biện nhóm vào thực tiễn.

(2.2.2) Kỹ năng Tiếng Anh: Đạt chuẩn bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc B2 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào

tạo cho phép. Ngoài ra sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đạt một trong các chứng chỉ tương đương từ B2 trở lên theo bảng quy đổi sau:

<b>Cấp độ (CEFR)</b>	<b>IELTS</b>	<b>TOEFL</b>	<b>TOEIC</b>	<b>Cambridge Exam</b>	<b>BEC</b>	<b>BULATS</b>	<b>Khung Châu Âu</b>
<b>4/6 (Khung VN)</b>	5.5	500 PBT 173 CBT 61 iBT	600	First FCE	Busines Vantage	60	B2

\* *Kỹ năng chuyên môn*

(2.2.3) Chuẩn hóa, đánh giá và nghiên cứu độc lập để đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề về kinh tế, xã hội, kỹ thuật trong lĩnh vực quản lý đất đai và tài nguyên môi trường. Phân tích và đánh giá được chính xác các công việc liên quan đến thực tiễn công tác Quản lý đất đai.

(2.2.4) Thành thạo kỹ năng chuyên sâu trong ngành Quản lý đất đai: Tham gia thực hiện, tư vấn trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch nông nghiệp; giá đất, thẩm định giá đất và bất động sản, thanh tra, giám sát quản lý sử dụng đất và lập dự án trong lĩnh vực quản lý đất đai; ứng dụng trong xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai

(2.2.5) Có khả năng sử dụng thiết kế, xây dựng, khai thác, chia sẻ các công nghệ và phương tiện hiện đại trong lĩnh vực quản lý đất đai.

### **2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

(2.3.1) Có tinh thần cầu thị, cởi mở, có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cao;

(2.3.2) Có thái độ, ý thức xây dựng môi trường làm việc thân thiện, tích cực và làm việc theo hiến pháp và pháp luật;

(2.3.3) Hình thành quan điểm, lập trường chính trị, tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật, hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp.

(2.3.4) Tiếp thu chủ động định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; hoàn thiện và phát triển các kiến thức nhằm nâng cao năng lực bản thân và vận dụng vào công tác chuyên môn trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất.

(2.3.5) Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành quản



lý đất đai và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, năng lực dẫn dắt chuyên môn;

(2.3.6) Có sáng kiến trong xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề phát sinh trong thực tế.

#### 2.4. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo của chuẩn đầu ra

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO				
		MTa	MTb	MTc	MTd	MTe
Kiến thức	2.1.1	X			X	X
	2.1.2	X	X	X	X	X
	2.1.3			X		
	2.1.4		X			
	2.1.5		X	X		
Kỹ năng	2.2.1	X	X	X	X	X
	2.2.2				X	X
	2.2.3		X	X		
	2.2.4		X	X		
	2.2.5		X	X		X
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	2.3.1	X	X	X	X	X
	2.3.2	X	X	X	X	X
	2.3.3	X				X
	2.3.4				X	X
	2.3.5		X	X		X
	2.3.6		X	X	X	X

### PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

#### 3.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình

Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy	60	Tỉ trọng (%)
Trong đó:		
- <b>Khối kiến thức chung</b>	<b>6</b>	<b>10,0</b>
- <b>Kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>	<b>45</b>	<b>75,0</b>
+ <i>Bắt buộc:</i>	27	(45,0)
+ <i>Tự chọn:</i>	18	(30,0)
- <b>Đề án tốt nghiệp</b>	<b>9</b>	<b>15,0</b>

#### 3.2. Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra của các khối kiến thức

Tên học phần	Chuẩn đầu ra															
	1. Kiến thức					2. Kỹ năng					3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm					
	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	2.3.5	2.3.6
Khối kiến thức chung (06 tín chỉ)	3	-	-	-	-	2	3	-	-	-	2	3	-	-	-	-
Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành (45 tín chỉ)	-	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	2
Đề án tốt nghiệp (09 tín chỉ)	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	2	3	3	2	2

Mức đóng góp: nhiều (3); trung bình (2); ít (1); không (-).

#### 3.3. Khung chương trình

Ký hiệu: - LT : Lý thuyết;

- TL, TH, TT: Thảo luận, Thực hành, Thực tập.

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
I	KHỐI KIẾN THỨC CHUNG							

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
1	NNTA201	Tiếng Anh B2	3	Học phần “Tiếng Anh B2” cung cấp cho học viên kiến thức về các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm như thông tin cá nhân (identity), các câu truyện (tales), tương lai (Future), nghề nghiệp (jobs) và các giải pháp (solutions). Qua môn học này, người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở trình độ B2 thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày và nâng cao khả năng giao tiếp qua những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.	16	29	90	
2	LCML201	Triết học	3	Sau khi học xong học phần học viên được trang bị những kiến thức cơ bản của các tư tưởng triết học trong lịch sử, vai trò của triết học Mác - Lênin trong giai đoạn hiện nay; quan hệ giữa triết học với các khoa học và vai trò của khoa học - công nghệ trong sự phát triển xã hội để rèn luyện thể giới quan và phương	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				pháp luận triết học cho học viên trong nhận thức và vận dụng thực tiễn.				
<b>II</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ CHUYÊN NGÀNH</b>							
<b>II.1</b>	<b>Bắt buộc</b>		<b>27</b>					
3	QĐQB201	Phân tích chính sách đất đai	3	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các nội dung kiến thức liên quan tới: Các vấn đề cơ bản về chính sách và phân tích chính sách nói chung; Khái niệm, đặc điểm, mục tiêu và vai trò của chính sách đất đai; Khái niệm, mục đích, nội dung và phương pháp phân tích chính sách đất đai; Phân tích một số chính sách đất đai cụ thể ở Việt Nam. Học phần sẽ giúp cho học viên có các kiến thức cơ bản làm nền tảng học tập các học phần tiếp theo của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai.	30	15	90	
4	QĐKQ209	Tiếng Anh chuyên ngành	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được kiến thức tổng quát bằng Tiếng Anh của các môn học khác nhau thuộc khối kiến thức ngành Quản lý đất đai như: thuế sử dụng đất, luật đất	11	19	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				đai, quy hoạch sử dụng đất, định giá và đánh giá đất. Qua môn học này, học viên sử dụng được và phân biệt được các hiện tượng ngữ pháp thường được sử dụng trong tài liệu Tiếng Anh chuyên ngành như câu chủ động, bị động, câu điều kiện, câu có mệnh đề quan hệ, câu so sánh. Ngoài ra học viên còn được tiếp cận và sử dụng thành thạo những từ vựng liên quan đến các chủ đề của chuyên ngành Quản lý đất đai với lượng từ chuyên ngành khoảng 200 từ.				
5	QĐKQ201	Đánh giá đất nâng cao	3	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được kiến thức nâng cao về khung đánh giá đất theo FAO cùng các quy trình đánh giá đất của FAO cho một số nhóm đất chính (đất nông nghiệp có tưới, đất nông nghiệp không có tưới, đất lâm nghiệp); các quy trình và kỹ thuật đánh giá phân hạng đất nông nghiệp, chất lượng đất, ô nhiễm đất theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
6	QĐKQ202	Quy hoạch sử dụng đất bền vững	3	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được những kiến thức chung về sử dụng đất bền vững; phân tích được khái niệm, cơ sở, nguyên tắc và yêu cầu của quy hoạch sử dụng đất bền vững; Tổng hợp và đánh giá được thực tế quy hoạch sử dụng đất một số nước trên thế giới và Việt Nam; Vận dụng lồng ghép các yếu tố môi trường và xã hội nhằm đạt được sự bền vững trong quy hoạch sử dụng đất tại Việt Nam. Đánh giá được việc ứng dụng bài toán tối ưu trong lập phương án quy hoạch sử dụng đất.	35	10	90	
7	QĐCT201	Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được những kiến thức chung tổng quan về cơ sở dữ liệu đất đai; Trình bày và giải thích được một số khái niệm, trách nhiệm xây dựng và giá trị pháp lý của cơ sở dữ liệu đất đai; Tổng hợp và đánh giá được thực trạng và định hướng xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai ở Việt Nam và hệ thống thông tin đất đai một số nước trên thế giới; Vận	20	10	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				dụng các kiến thức đã học để xây dựng được cơ sở dữ liệu đất đai và thiết kế được mô hình cơ sở dữ liệu đất đai từ đó cập nhật, vận hành và quản lý bảo mật cơ sở dữ liệu đất đai.				
8	QĐQB202	Hiện đại hóa hệ thống đăng ký đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được những kiến thức về Hệ thống đăng ký đất đai hiện đại; Lịch sử phát triển của đăng ký đất đai ở Việt Nam; Giao dịch điện tử trong lĩnh vực đất đai; Một số vấn đề chung về Chính phủ điện tử; Chính phủ điện tử ngành Tài nguyên và môi trường; Cơ sở dữ liệu ngành Tài nguyên và môi trường; Mô hình hiện đại hóa hệ thống đăng ký đất đai trên thế giới và Việt Nam.	22	8	60	
9	QĐQB203	Thẩm định giá đất và Bất động sản	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các nội dung kiến thức Tổng quan về thẩm định giá đất và bất động sản; các phương pháp thẩm định giá bất động sản; quy trình thẩm định giá bất động sản.				
10	QĐQB204	Thanh tra, giám sát quản lý sử dụng đất	2	Sau khi kết thúc học phần, học viên hiểu được một số vấn đề chung về giám sát, theo dõi, đánh giá việc	22	8	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				quản lý và sử dụng đất; Vận dụng trong công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đất đai; thanh tra, giám sát việc thực hiện chức năng quản lý sử dụng đất đai của các cấp hành chính trong đó tập trung vào giám sát, theo dõi và đánh giá việc quản lý, sử dụng đất đai; thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai và Giám sát của công dân trong quản lý và sử dụng đất đai.				
11	QĐQB205	Chính sách thu hồi đất	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các nội dung cơ bản về khái niệm, đặc điểm, vị trí, vai trò của công tác thu hồi đất; các chính sách cụ thể về thu hồi đất như căn cứ thu hồi đất, các trường hợp thu hồi đất, trưng dụng đất, trình tự, thủ tục thu hồi đất; đối tượng, điều kiện, mức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.	22	8	60	
12	QĐQB214	Thực tập ngoại khóa	2	Sau khi kết thúc học phần, học viên hiểu được kiến thức thực tế về quản lý và sử dụng đất thông qua các		30	60	



TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				hoạt động: khảo sát thực tế tại các địa phương, tìm hiểu đánh giá về công tác xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai, đăng kí đất đai, thẩm định giá đất và Bất động sản và thanh tra, giám sát quản lý sử dụng đất cũng như công tác quản lý nhà nước về đất đai, tình hình kinh tế - xã hội và kinh nghiệm quản lý.				
13	QĐQB215	Thực tập thẩm định giá đất và bất động sản	2	Sau khi kết thúc học phần học viên vận dụng kiến thức đã học để lập quy trình thẩm định giá đất và bất động sản và vận dụng các phương pháp để thẩm định giá đất đất và bất động sản, tổ chức thực hiện các nghiệp vụ định giá đất đai.		30	60	
14	QĐCT206	Thực tập Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần học viên có kỹ năng về việc thực hiện quy trình vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai; học viên tự thiết kế các mô hình về hệ thống thông tin đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai; Xử lý thông tin, xây dựng, cập nhật dữ liệu cho cơ sở dữ liệu đất đai. Trình bày và giải thích được một số khái niệm khái niệm, trách nhiệm xây		30	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				dựng và giá trị pháp lý của cơ sở dữ liệu đất đai; Các học viên sử dụng được các phần mềm phục vụ xây dựng quản lý và vận hành hệ thống thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất trên nền tảng công nghệ thông tin theo quy định hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường.				
<b>II.2</b>	<b>Tự chọn (18/36 tín chỉ)</b>							
15	QĐQB206	Quản lý và kinh doanh Bất động sản	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các kiến thức chung về thị trường bất động sản và kinh doanh bất động sản; Phân tích và đánh giá được các hoạt động kinh doanh bất động sản như các chiến lược; lập phương án và vận dụng được các loại hình đầu tư trong kinh doanh bất động sản; Phân tích, vận dụng được luật kinh doanh bất động sản, các chính sách của nhà nước trong công tác quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản. Học viên có kỹ năng Marketing, kỹ năng giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh bất động sản. Có kỹ năng tìm kiếm các văn bản quy phạm pháp luật, các tài	21	9	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				liệu liên quan đến kinh doanh bất động sản.				
16	QĐKQ210	Kinh tế đất ứng dụng	2	Sau khi kết thúc học phần học viên giải thích được các kiến thức về kinh tế đất, địa tô, lý thuyết cung cầu, các khái niệm liên quan đến kinh tế đất, lợi thế so sánh và chi phí cơ hội trong kinh tế sử dụng đất, giá trị đất đai tăng thêm, điều tiết giá trị đất đai tăng thêm. Áp dụng được các kiến thức về chi phí cơ hội và điều tiết giá trị đất đai tăng thêm trong các bài toán thực tiễn khi thực hiện quy hoạch, chuyên mục đích sử dụng đất trong dự án đầu tư hạ tầng tại địa phương; đề xuất được giải pháp điều tiết giá trị đất đai tăng thêm.	16	14	60	
17	QĐKQ203	Bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các cơ sở lý thuyết căn bản về các quá trình thoái hóa đất và kỹ thuật bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất. Nội dung chính của học phần gồm tổng quan thực trạng tài nguyên đất thế giới và Việt Nam; các quá trình thoái hóa đất; các kỹ thuật bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất.	21	9	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
18	QĐKQ204	Cơ sở sinh thái cảnh quan trong quy hoạch sử dụng đất bền vững	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các nội dung kiến thức liên quan tới: lược sử sinh thái cảnh quan và các quan niệm; mô hình sinh thái học về các yếu tố cảnh quan; metric cảnh quan; quy hoạch sử dụng đất đa chức năng; quy hoạch sử dụng đất cho phục hồi cảnh quan; quy hoạch sử dụng đất dựa trên dấu chân sinh thái; quy hoạch sử dụng đất khu nông thôn và đô thị; quy hoạch không gian xanh đô thị; quy hoạch hành lang đa dạng sinh học và quy hoạch sử dụng đất trong khu bảo tồn tự nhiên.	23	7	60	
19	QĐKQ205	Quy hoạch vùng lãnh thổ	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các kiến thức liên quan tới cơ sở, những vấn đề cơ bản của quy hoạch vùng lãnh thổ; quy hoạch vùng trên thế giới và ở Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần cung cấp cho người học trình tự, nội dung quy hoạch vùng lãnh thổ, quy hoạch định hướng phát triển một số vùng tại Việt Nam. Đây là học phần tự chọn trong chương trình	22	8	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai.				
20	QĐKQ206	Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp nâng cao	3	Sau khi kết thúc học phần, học viên vận dụng được nguyên tắc và quy trình quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp; Điều tra, đánh giá phục vụ quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp; Phân vùng nông nghiệp, quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp và lồng ghép các tiêu chí phát triển bền vững, biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh và bảo vệ môi trường trong quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp; Giải pháp, quản lý quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp và xây dựng bộ tiêu chí về chất lượng đất đai phục vụ quản lý quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp.	30	15	90	
21	QĐKQ207	Quản lý tài nguyên đất tổng hợp	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các nội dung kiến thức căn bản và nâng cao về các công cụ cơ bản trong quản lý tổng hợp tài nguyên đất. Cụ thể cung cấp cho học viên kiến thức về các nội dung: Khái quát quản lý tổng hợp tài nguyên đất tổng hợp; Luật pháp và công cụ hành	23	7	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				chính trong quản lý tổng hợp tài nguyên đất; Công cụ quy hoạch và quản trị tài nguyên trong quản lý tài nguyên đất tổng hợp; Các công cụ tài chính trong quản lý tổng hợp tài nguyên đất.				
22	QĐCT202	Viễn thám và GIS ứng dụng trong quản lý đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được kiến thức cơ bản và nâng cao về cơ sở vật lý viễn thám, các phương pháp xử lý dữ liệu viễn thám; những nguyên lý và phương pháp phân tích dữ liệu địa lý (GIS). Đặc biệt, học phần tập trung vào ứng dụng viễn thám trong quản lý đất đai.	22	8	60	
23	QĐCT203	Công nghệ thành lập bản đồ hiện đại	3	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được những kiến thức về một số vấn đề chung về công nghệ thành lập bản đồ; một số công nghệ hiện đại trong thành lập bản đồ; vận dụng được các công nghệ hiện đại trong thành lập bản đồ và ứng dụng một số công nghệ hiện đại trong thành lập bản đồ	29	16	90	
24	QĐQB207	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được hệ thống những khái niệm cơ bản chung về đầu tư và dự	23	7	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				án đầu tư. Học phần cũng cung cấp các kiến thức, quy định về trình tự nghiên cứu soạn thảo dự án đầu tư, trình tự lập dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai, bố cục của dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai, nguyên tắc, công cụ và phương pháp quản lý, các mô hình quản lý và nội dung quản lý. Lập được một số dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai.				
25	QĐCT204	Ứng dụng công nghệ định vị vệ tinh toàn cầu trong quản lý đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các nội dung chính như sau: Tổng quan về hệ thống GNSS; khả năng ứng dụng GNSS; Hiệu quả ứng dụng GNSS trong quản lý đất đai. Đây là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai.	22	8	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
26	QĐQB208	Quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường nâng cao	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các kiến thức chung về quản lý tài nguyên và môi trường; Xu thế sử dụng tài nguyên và môi trường trên thế giới cũng như ở Việt Nam; Nội dung phát triển bền vững tài nguyên và môi trường và nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường.	20	10	60	
27	QĐKQ208	Quản lý sử dụng đất đô thị và các khu chức năng	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các kiến thức cơ bản về đô thị, đô thị hóa và quá trình phát triển đô thị đặc biệt là đất đô thị công nghiệp, khu kinh tế và các khu chức năng. Học viên phân tích và đánh giá được công tác quản lý sử dụng đất đô thị, quản lý nhà nước khu công nghiệp và khu kinh tế. Học phần sẽ giúp cho học viên có các kiến thức cơ bản làm nền tảng học tập các học phần tiếp theo của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai.	20	10	60	
28	QĐQB209	Chính sách tài chính về đất đai nâng cao	2	Sau khi kết thúc học phần, học viên hiểu và phân tích được một số vấn đề chung về ngân sách nhà nước; pháp luật thuế; cơ sở lý	22	8	60	



TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				luận về tài chính đất đai; nội dung cơ bản về tài chính đất đai; khoản thu tài chính từ đất đai và pháp luật thuế về đất đai; Nâng cao hiệu quả chính sách thuế về đất đai và nâng cao hiệu quả một số nguồn thu khác từ đất đai				
29	QĐQB210	Chuyên đề chuyên ngành 1: Quản lý hành chính về đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần nhằm cung cấp cho học viên các vấn đề chung liên quan tới quản lý hành chính về đất đai. Học viên sẽ viết báo cáo đánh giá, phân tích lý luận và thực tiễn về quản lý hành chính về đất đai.	5	25	60	
30	QĐCT205	Chuyên đề chuyên ngành 2: Mô hình quản lý đất đai theo công nghệ hiện đại	2	Sau khi kết thúc học phần nhằm cung cấp cho học viên các vấn đề chung liên quan tới thực trạng, bối cảnh phát triển ngành quản lý đất đai; Định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của ngành Quản lý đất đai; Mô hình quản lý đất đai theo công nghệ hiện đại và giải pháp thực hiện. Học viên sẽ viết các báo cáo đánh giá, phân tích lý luận và thực tiễn của việc xây dựng Mô hình quản lý đất đai theo công nghệ hiện đại.	5	25	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
31	QĐQB211	Chuyên đề chuyên ngành 3: Quản lý đất đai một số nước trên thế giới	2	Sau khi kết thúc học phần nhằm cung cấp cho học viên vấn đề chung liên quan tới quản lý đất đai ở một số quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Học viên sẽ viết các báo cáo đánh giá, phân tích lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm về quản lý đất đai của các nước trên thế giới áp dụng đối với Việt Nam.	5	25	60	
<b>III</b>	<b>ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP</b>		<b>9</b>					
32	QĐQB213	Đề án tốt nghiệp	9	Áp dụng lý thuyết đã học vào nghiên cứu một đề tài khoa học cụ thể. Ngoài ra, đề án tốt nghiệp để đánh giá khả năng nghiên cứu độc lập của học viên; chứng tỏ học viên đã nắm vững kiến thức đã học, các phương pháp nghiên cứu và kỹ năng thực hành về vấn đề nghiên cứu.				
<b>Tổng số</b>			<b>60</b>					

### **3.8. Hướng dẫn thực hiện chương trình:**

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm, thảo luận; 45÷90 giờ thực tập tại cơ sở, 45 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn; đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp hoặc đề án tốt nghiệp.

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định.

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của học viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng học viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và học viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ).

- Chương trình đào tạo này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022.

### **3.9. Chương trình trong và ngoài nước đã tham khảo để xây dựng chương trình**

#### ***\* Chương trình trong nước***

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý đất đai, Học viện Nông nghiệp Việt Nam
- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý đất đai, Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQG Hà Nội
- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý đất đai, Trường ĐHNông - Lâm Thái Nguyên
- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý đất đai, Trường ĐHNông - Lâm Bắc Giang;
- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý đất đai, Trường ĐHNông - Lâm Thành Phố Hồ Chí Minh

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý đất đai, Trường Đại học Cần Thơ.

*\* Chương trình nước ngoài*

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Địa chính, Đại học Kiến trúc, thiết kế và quy hoạch - Đại học Alborg (Copenhagen, Đan Mạch)

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Quản lý đất đai và bất động sản nông thôn, trường Đại học Harper Adams

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Quản lý đất đai và khoa học không gian địa lý, trường Đại học Kỹ thuật Munich

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành quản lý đất đai, Trường Đại học Quản lý đất đai, Matxcova, Liên bang Nga.

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành quản lý đất đai, Trường Đại học Nam xứ Wales, Australia.